TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh P**

Số: **20**/2018/DS-PT
Ngày: 11/01/2018
V/v: "Tranh chấp quyền sử dụng đất"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

Với thành phần Hội đồng xét xử P thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Kim Tư
Cùng các Thẩm phán: Bà Hồ Thị Thanh Thúy
Ông Phạm Văn Ngọt

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Võ Thị Cẩm Trang – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa: bà Nguyễn Thị Minh P – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 01 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre, xét xử P thẩm công khai vụ án thụ lý số: 327/2017/TLPT-DS ngày 05/12/2017 về "*Tranh chấp quyền sử dụng đất*".

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 68/2017/DS-ST ngày 15/8/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử P thẩm số: 149/2017/QĐ-PT ngày 27/12/2017, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

1.1 Bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1957 (có mặt)

Địa chỉ: số nhà 259A, khu phố A, Phường B, Tp Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

1.2 Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1954 (vắng mặt)

Địa chỉ: số nhà 30/9, khu phố A, Phường B, Tp Tân An, tỉnh Long An.

1.3 Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1947 (vắng mặt)

Địa chỉ: số nhà 51/4, tổ A, khu vực B, phường C, quận Cái Răng, Tp Cần Thơ.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị Đ và bà Nguyễn Thị H: bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1957; Địa chỉ: số nhà 259A, khu phố A, Phường B, Tp Bến Tre, tỉnh Bến Tre (văn bản ủy quyền ngày 04/5/2016 và ngày 09/5/2016) (có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Nguyễn Thị P: ông Huỳnh Văn T – Hội Luật gia Việt Nam tỉnh Bến Tre.

2. Bị đơn:

Bà Dương Thị P , sinh năm 1952 (vắng mặt)

Địa chỉ: 250A, khu phố Bình Khởi, Phường 6, Tp Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: ông Đặng Ngọc P, sinh năm 1978; địa chỉ: số nhà 114A, khu phố Bình Khởi, Phường 6, Tp Bến Tre, tỉnh Bến Tre (văn bản ngày 07/8/2013) (có mặt)

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

3.1 Bà Dương Thị Th, sinh năm 1980 (vắng mặt)

Địa chỉ: 250A, khu phố A, Phường B, Tp Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Dương Thị Th: ông Đặng Ngọc P, sinh năm 1978; địa chỉ: số nhà 114A, khu phố A, Phường B, Tp Bến Tre, tỉnh Bến Tre (văn bản ngày 07/8/2013) (có mặt)

3.2 Ông Lý Thành T, sinh năm 1966 (có mặt)

Địa chỉ: số nhà 279D1, khu phố A, phường B, Tp Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

3.3 Bà Lý Thị Ngọc M, sinh năm 1968 (vắng mặt)

Địa chỉ: số nhà 43/14/14, hẻm 229, đường A, phường B, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Lý Thị Ngọc M: ông Lý Thành T, sinh năm 1966; Địa chỉ: số nhà 279D1, khu phố A, phường B, Tp Bến Tre, tỉnh Bến Tre (văn bản ủy quyền ngày 27/02/2012) (có mặt)

Người kháng cáo: Bà Nguyễn Thị P, ông Lý Thành T, bà Lý Thị Ngọc M.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung án sơ thẩm;

Theo đơn khởi kiện; bản tự khai, biên bản hoà giải, các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên Tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị P và người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn là ông Huỳnh Văn T trình bày:

Nguồn gốc đất tranh chấp thuộc thửa số 50, tờ bản đồ số 6, tọa lạc tại Phường 6, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre là một phần được tách ra từ bằng khoán điền thổ số 1473 cấp năm 19363 cho cố Trần Văn C (ông cố bà Nguyễn Thị P). Sau khi cố C chết, diện tích đất này do cụ Trần Thị Hiển (bà nội của bà Nguyễn Thị P) thừa hưởng. Năm 1970, cụ Hiển chết, diện tích đất này do cha mẹ của bà Nguyễn Thị P là ông Nguyễn Văn Xây và bà Nguyễn Thị Tiếng tiếp tục quản lý. Năm 1975 ông Xây chết, năm 1997 bà Tiếng chết không để lại di chúc. Năm 1975, ông Xây có cho bà Phan Thị Dậu ở nhờ trên diện tích đất tranh chấp. Bà Dậu đã xây nhà kiên cố và ở đến năm

1985 thì bán lại căn nhà cho ông Lý Vĩnh Tân. Sau khi mua nhà của bà Dậu, ông Tân có hỏi mua luôn nền nhà là phần đất đang tranh chấp nhưng gia đình bà Nguyễn Thị P không đồng ý bán mà chỉ cho ông Tân ở nhờ trên đất này. Năm 1993 ông Tân chết, vì chưa có nhu cầu sử dụng, đồng thời thấy bà Dương Thị P (vợ ông Tân) và con gái là Dương Thị Thỷ không có chỗ ở nên gia đình bà Nguyễn Thị P cho tiếp tục ở nhờ. Năm 2002 gia đình bà Nguyễn Thị P có nhu cầu sử dụng đất nên yêu cầu bà Dương Thị P trả đất nhưng đến nay bà Dương Thị P vẫn không trả lại đất. Nay bà Nguyễn Thị P, bà Nguyễn Thị Đ và bà Nguyễn Thị H yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Dương Thị P và bà Dương Thị Th trả lại khoảng 50% diện tích đất tranh chấp là 67,4m^2 thuộc thửa số 50, tờ bản đồ số 6, tọa lạc tại phường 6, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

Bị đơn là bà Dương Thị P và người đại diện theo ủy quyền là ông Đặng Ngọc P trình bày: Nguồn gốc đất tranh chấp thuộc thửa số 50, tờ bản đồ số 6, tọa lạc tại Phường 6, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre là của bà Phan Thị Dậu. Trước đây, ông Lý Vĩnh Tân và vợ trước là Phạm Ngọc Hưng sống trong căn nhà số 6/61 đường Đoàn Hoàng Minh, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre. Sau khi ông Tân và bà Hưng không còn sống chung, ông Tân giao lại toàn bộ căn nhà cho bà Phạm Ngọc Hưng không tranh chấp. Năm 1978 bà Dương Thị P về sống chung với ông Tân trong căn nhà do ông Tân mua của ông Cội. Sau khi mua nhà, ông Tân rước mẹ là bà Bột về sống chung. Cùng năm 1978 do nhà chật hẹp nên bà Dương Thị P và ông Tân tiến hành việc trao đổi nhà và đất với bà Phan Thị Dậu. Theo thỏa thuận, bà Dậu về ở nhà của ông Tân trên đất của ông Cội, ông Tân và bà Dương Thị P về ở nhà của bà Phan Thị Dậu tại phần đất đang tranh chấp. Khi đổi nhà và đất, ông Tân và bà Dương Thì P bù cho bà Dậu 02 (hai) chỉ vàng 24K vì nhà của bà Dậu là nhà tường kiên cố còn nhà của ông Tân là nhà cây vách lá. Việc trao đổi này được lập thành văn bản nhưng đã bị thất lạc. Trong quá trình chung sống, bà Dương Thị P và ông Lý Vĩnh Tân có nuôi một con chung là Dương Thị Th, sinh năm 1980. Năm 1993, ông Tân chết, bà Dương thị P và chị Th tiếp tục sống trên trong nhà trên phần đất này. Năm 1998, bà P tiến hành đăng ký kê khai diện tích đất đang tranh chấp nhưng bà Nguyễn Thị P không ký hiệp thương ranh nên đến nay phần đất vẫn chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Bà Dương Thị P cho rằng phần đất tranh chấp thuộc quyền sử dụng hợp pháp của bà nên không đồng ý với yêu cầu của nguyên đơn. Đồng thời bà Dương Thị P yêu cầu Tòa án công nhận phần diện tích đất tranh chấp là 132,5m^2, thuộc thửa số 50, tờ bản đồ số 6, tọa lạc tại phường 6, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre thuộc quyền sử dụng của bà Dương Thị P.

Theo đơn yêu cầu độc lập và trong quá trình giải quyết vụ án, ông Lý Thành T trình bày: nguồn gốc đất tranh chấp là của cha mẹ ông và bà Lý Thị Ngọc M là ông Lý Vĩnh Tân và bà Phạm Ngọc Hưng. Năm 1978, ông Lý Vĩnh Tân mua phần đất và nhà trên đất từ bà Phan Thị Dậu. Khoảng năm 1988, ông Tân có dẫn bà Dương Thị P và bà Dương Thị Th về ở cho đến nay. Năm 1993 ông Lý Vĩnh Tân chết, năm 1997 bà Phạm Ngọc Hưng chết không để lại di chúc nhưng ông và bà M là con của ông Tân, bà Hưng nên ông và bà M phải được thừa hưởng tài sản của ông Tân, bà Hưng. Nay ông Lý Thành T và bà Lý Thị Ngọc M yêu cầu bà Dương Thị P trả lại nhà và đất có diện tích 132,5m^2, thuộc thửa số 50, tờ bản đồ số 6, tọa lạc tại phường 6, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 68/2017/DS-ST ngày 15/8/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre quyết định:

Áp dụng Điều 255, 256 và 688 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Điều 49, 105, 135 và 136 của Luật Đất đai năm 2003; Pháp lệnh về án phí, lệ phí Tòa án tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị P, bà Nguyễn Thị Đ và bà Nguyễn Thị H đối với bà Dương Thị P trả lại đất có diện tích 67,4m^2, thuộc thửa số 50, tờ bản đồ số 6, tọa lạc tại phường 6, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

2. Bà Dương Thị P được quyền tiếp tục quản lý sử dụng đất và nhà trên đất có diện tích 132,5m^2, thuộc thửa số 50, tờ bản đồ số 6, tọa lạc tại phường 6, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre (có họa đồ kèm theo). Bà Dương Thị P liên hệ cơ quan có thẩm quyền để làm thủ tục công nhận quyền sử dụng đất.

3. Không chấp nhận yêu cầu độc lập của ông Lý Thành T và bà Lý Thị Ngọc M về việc yêu cầu bà Dương Thị P phải trả lại quyền sử dụng đất và nhà trên đất có diện tích 132,5m^2, thuộc thửa số 50, tờ bản đồ số 6, tọa lạc tại phường 6, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

4. Ghi nhận bà Dương Thị P đồng ý hoàn trả giá trị cho bà Lý Thị Ngọc M số tiền là 93.861.000 đồng.

5. Chi phí thu thập chứng cứ bà Nguyễn Thị P, bà Nguyễn Thị Đ và bà Nguyễn Thị H phải chịu là 3.186.000 đồng và đã thực hiện quyết toán xong.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 28/8/2017 bà Nguyễn Thị P kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu cấp P thẩm xét xử lại vụ án theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn. Ngày 30/8/2017 ông Lý Thành T và bà Lý Thị Ngọc M kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu cấp P thẩm xét xử lại vụ án theo hướng chấp nhận yêu cầu độc lập của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan. Ngày 29/8/2017 Viện kiểm sát

nhân dân thành phố Bến Tre kháng nghị toàn bộ bản án sơ thẩm theo hướng đề nghị cấp P thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn, bác một phần yêu cầu phản tố của bị đơn, bác yêu cầu độc lập của ông T, chấp nhận một phần yêu cầu độc lập của bà M.

Tại phiên Toà P thẩm các đương sự vẫn giữ quan điểm kháng cáo. Đại diện VKS giữ nguyên kháng nghị. Phía bị đơn không đồng ý với kháng cáo của nguyên đơn, người liên quan và kháng nghị của đại diện VKS.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày: nguồn gốc đất là của cụ Chánh để lại cho bà Hiển, bà Hiển để lại cho ông Xây và bà Tiếng. Năm 1975 ông Tiếng cho bà Dậu ở nhờ trên đất. Khi bà Dậu bán nhà cho ông Tân thì ông Tân có đặt vấn đề mua đất với gia đình bà Nguyễn Thị P, việc này các bên chỉ nói miệng chứ không làm giấy tờ. Khi UBND xã hoà giải thì bà Dương Thị P đồng ý trả lại nửa đất nhưng sau đó bà Dương Thị P lại thay đổi. Bà Dương Thị P thừa nhận có trao đổi nhà với bà Dậu. Ông Trang là con trai bà Dậu có khai là gia đình ông cất nhà ở nhờ trên đất ông Xây. Cũng theo ông Trang thì nguồn gốc đất là của ông Xây. Ông Lê Văn Ri là con trai bà Dậu khai ông Ri ở nhờ trên đất ông Xây. Như vậy có thể khẳng định các bên chỉ trao đổi nhà chứ không có trao đổi đất, lời trình bày của các nhân chứng là phù hợp với lời trình bày của bà Nguyễn Thị P. Án sơ thẩm tuyên không khách quan, làm ảnh hưởng quyền lợi của nguyên đơn. Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, đề nghị HĐXX sửa án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Phía nguyên đơn đồng ý hỗ trợ cho bị đơn 10.000.000 đồng.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày: yêu cầu của nguyên đơn là không có căn cứ vì năm 1978 thì ông Tân và bà Dậu có trao đổi nhà, phía ông Tân có giao cho bà Dậu 02 chỉ vàng. Nếu chỉ ở nhờ thì bà Dậu không cất nhà kiên cố. Đồng thời năm 1978 Nhà nước chưa có chủ trương mua bán đất nên các bên trao đổi nhà, đất là phù hợp. Đất do bị đơn quản lý sử dụng và đăng ký từ năm 1978 cho đến nay. Đến năm 2017 bà Dương Thị P vẫn tiếp tục đóng thuế. Trong khi đó, con cháu cụ Chánh lại không đăng ký kê khai phần đất tranh chấp. Do đó, có cơ sở khẳng định con cháu cụ Chánh xác lập nhận đất tranh chấp là của bà Dương Thị P. Đề nghị HĐXX y án sơ thẩm.

Kiểm sát viên phát biểu quan điểm: Về tố tụng: Việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự đều thực hiện đúng theo pháp luật tố tụng dân sự. Về nội dung: năm 1985 bà Dậu và ông Tân tiến hành đổi nhà. Lời trình bày của bà Nguyễn Thị P phù hợp với lời trình bày của ông Trang, ông Ri con bà Dậu và phù hợp với lời trình bày của bà Bông là vợ ông Cội. Bà Dương Thị P cho rằng ông Tân và bà Dậu trao đổi nhà và đất nhưng lời trình bày của bà Dương Thị P lại không thống nhất. Bà Nguyễn Thị P xác nhận ông Tân có gặp bà để mua đất nhưng gia đình bà không đồng ý. Đối với kháng cáo của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan thì khi ông Tân chết sẽ phát sinh quyền thừa kế đối với tài sản là căn nhà do ông

Tân. Do đó, kháng cáo của ông T, bà M là có cơ sở. Đề nghị HĐXX sửa án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, chấp nhận một phần yêu cầu của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, chấp nhận kháng nghị của VKS, chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bị đơn. Ghi nhận việc nguyên đơn đồng ý hỗ trợ cho bị đơn 10.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Căn cứ vào lời trình bày của các đương sự và các tài liệu có trong hồ sơ nhận thấy: phần đất tranh chấp có diện tích 132,5m^2 thuộc thửa số 50, tờ bản đồ số 6, tọa lạc tại phường 6, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre. Nguồn gốc đất là của cố Trần Văn Chánh được tách ra từ bằng khoán điền thổ số 1473 cấp cho cố Trần Văn Chánh vào năm 1936. Phần đất này do bà Dương Thị P đang trực tiếp sử dụng. Bà Nguyễn Thị P, bà Nguyễn Thị Đ và bà Nguyễn Thị H yêu cầu bà Dương Thị P trả lại phần đất có diện tích 67,4m^2. Ông Lý Thành T và bà Lý Thị Ngọc M yêu cầu bà Dương Thị P trả lại căn nhà và thửa đất trên.

Phía nguyên đơn cho rằng sau khi cố Trần Văn Chánh chết thì để lại thửa đất cho cụ Trần Thị Hiển, cụ Hiển chết để lại cho ông Xây và bà Tiếng, bà Tiếng chết để lại cho các nguyên đơn. Tuy nhiên, các nguyên đơn không có chứng cứ gì để chứng minh cho lời trình bày của mình. Các nguyên đơn cũng cho rằng trước năm 1975, ông Xây cho bà Dậu ở nhờ trên đất tranh chấp và bà Dậu xây nhà kiên cố trên đất là không có cơ sở và không phù hợp với thực tế. Vì nếu bà Dậu chỉ ở nhờ thì sẽ không có việc bà Dậu xây nhà kiên cố trên đất mà các nguyên đơn không phản đối. Đến năm 1993 khi ông Tân chết, các bị đơn cho rằng do bà Dương Thị P không có chỗ ở nên cho ở nhờ nhưng các nguyên đơn lại không có giấy tờ gì để chứng minh việc cho bà Dương Thị P ở nhờ. Bà Dương Thị P cũng không thừa nhận ở nhờ trên đất nên lời trình bày của phía nguyên đơn là không có căn cứ chấp nhận.

Xét quá trình đăng ký kê khai thửa đất, HĐXX nhận thấy: nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả đất vì cho rằng phần đất tranh chấp thuộc quyền sở hữu của nguyên đơn, tuy nhiên các nguyên đơn lại không thực hiện nghĩa vụ của mình đối với thửa đất theo quy định như đóng thuế, kê khai. Còn bà Dương Thị P thực hiện nghĩa vụ của người sử dụng đất đầy đủ. Khi nhà nước có chủ trương cho người dân đăng ký kê khai đất thì các nguyên đơn không đăng ký kê khai thửa đất tranh chấp, mà bị đơn là bà Dương Thị P trực tiếp đăng ký, kê khai đất. Như vậy, chứng tỏ phía nguyên đơn thừa nhận phần đất đang tranh chấp không phải là của các nguyên đơn. Tuy nhiên do bà Nguyễn Thị P không đồng ý ký giáp ranh nên bà Dương Thị P chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Đối với yêu cầu phản tố của bà Dương Thị P, HĐXX nhận thấy: trong quá trình sử dụng đất, bà Dương Thị P đóng thuế đầy đủ và thực hiện đăng ký kê khai phần đất theo chủ trương chung của Nhà nước. Các nguyên đơn không phản đối việc này. Bà Dương Thị P cho rằng năm 1978 bà và ông Lý Vĩnh Tân đổi nhà và đất với bà Phan Thị Dậu. Bà Dương Thị P và Ông Lý Vĩnh Tân có trả cho bà Dậu 02 chỉ vàng chênh lệch giá trị nhà. Các con của bà Dậu là ông Lê Văn Ri và ông Phan Văn Trang thừa nhận việc trao đổi nhà, đất. Do vậy, lời trình bày của bà Dương Thị P là phù hợp với lời trình bày của ông Ri, ông Trang. Các nguyên đơn cho rằng bà Dậu ở nhờ trên đất nhưng khi bà Dậu xây nhà kiên cố và trao đổi nhà, đất với ông Tân thì các nguyên đơn không phản đối là không phù hợp với thực tế nên lời trình bày của các nguyên đơn là không có cơ sở chấp nhận. HĐXX nhận thấy, lời trình bày của bị đơn là có căn cứ nên chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn.

Xét yêu cầu độc lập của ông Lý Thành T và bà Lý Thị Ngọc M, HĐXX xét thấy: ông T, bà M cho rằng phần đất tranh chấp là của ông Lý Vĩnh Tân và bà Phạm Ngọc Hưng để lại cho ông T, bà M. Tuy nhiên, ông T và bà M không có chứng cứ gì để chứng minh. Mặt khác, khi ông Tân chết thì mẹ con bà Dương Thị P tiếp tục sử dụng nhà, đất nhưng ông T, bà M không phản đối gì. Trong suốt quá trình bà Dương Thị P sử dụng đất thì bà Dương Thị P thực hiện việc đóng thuế và kê khai thửa đất, còn ông T, bà M không đăng ký, kê khai phần đất và cũng không phản đối việc bà Dương Thị P kê khai thửa đất. Tại phiên Tòa sơ thẩm, người đại diện hợp pháp của bà Dương Thị P đồng ý hoàn trả cho bà M 1/6 giá trị di sản của ông Tân tương đương số tiền là 93.861.000 đồng nên ghi nhận.

Từ những nhận định trên, cấp P thẩm thấy rằng Tòa án cấp sơ thẩm bác yêu cầu của các nguyên đơn và người liên quan, chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật. Kháng cáo của nguyên đơn, của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan và kháng nghị của VKS nhân dân thành phố Bến Tre là không có cơ sở chấp nhận.

Quan điểm của Kiểm sát viên và đề nghị của luật gia bảo vệ quyền lợi cho nguyên đơn tại phiên tòa không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông Lý Thành T và bà Lý Thị Ngọc M phải nộp án phí dân sự P thẩm.

Bà Nguyễn Thị P, bà Nguyễn Thị Đ và bà Nguyễn Thị H là người cao tuổi nên được miễn nộp án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1, Điều 308, Bộ luật tố tụng dân sự.

Không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị P, ông Lý Thành T, bà Lý Thị Ngọc M và kháng nghị của VKS nhân dân thành phố Bến Tre, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 68/2017/DS-ST ngày 15/8/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre. Cụ thể tuyên:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị P, bà Nguyễn Thị Đ và bà Nguyễn Thị H đối với bà Dương Thị P trả lại đất có diện tích 67,4m^2, thuộc thửa số 50, tờ bản đồ số 6, tọa lạc tại phường 6, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

2. Bà Dương Thị P được quyền tiếp tục quản lý sử dụng đất và nhà trên đất có diện tích 132,5m^2, thuộc thửa số 50, tờ bản đồ số 6, tọa lạc tại phường 6, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre (có họa đồ kèm theo). Bà Dương Thị P liên hệ cơ quan có thẩm quyền để làm thủ tục công nhận quyền sử dụng đất.

3. Không chấp nhận yêu cầu độc lập của ông Lý Thành T và bà Lý Thị Ngọc M về việc yêu cầu bà Dương Thị P phải trả lại quyền sử dụng đất và nhà trên đất có diện tích 132,5m^2, thuộc thửa số 50, tờ bản đồ số 6, tọa lạc tại phường 6, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

4. Ghi nhận bà Dương Thị P đồng ý hoàn trả giá trị cho bà Lý Thị Ngọc M số tiền là 93.861.000 đồng (chín mươi ba triệu tám trăm sáu mươi mốt ngàn đồng).

Kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thi hành xong khoản tiền phải thi hành án thì còn phải chịu lãi suất theo quy định tại khoản 2, Điều 468 Bộ luật dân sự.

5. Chi phí thu thập chứng cứ bà Nguyễn Thị P, bà Nguyễn Thị Đ và bà Nguyễn Thị H phải chịu là 3.186.000 đồng và đã thực hiện quyết toán xong.

6. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Nguyễn Thị P, bà Nguyễn Thị Đ và bà Nguyễn Thị H không phải nộp án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị P, bà Nguyễn Thị Đ và bà Nguyễn Thị H số tiền đã nộp là 17.155.000 đồng (mười bảy triệu một trăm năm mươi lăm ngàn đồng) theo các biên lai thu số 006310 ngày 28/4/2008, 001083 ngày 25/12/2008, 027671 ngày 28/4/2009, 028412 ngày 22/6/2009, 015283 và 028445 ngày 07/9/2009, 028318 ngày 15/10/2009, 028332 ngày 03/11/2009, 013468 ngày 16/12/2009 và 0012167 ngày 10/5/2016 của Thi hành án dân sự thị xã Bến Tre, tỉnh Bến Tre (nay là Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre) và biên lai thu số 0012167 ngày 10/5/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

- Bà Dương Thị P phải nộp 4.693.000 đồng (bốn triệu sáu trăm chín mươi ba ngàn đồng).

- Ông Lý Thành T và bà Lý Thị Ngọc M phải nộp 26.527.000 đồng (hai mươi sáu triệu năm trăm hai mươi bảy ngàn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 14.500.000 đồng (mười bốn triệu năm trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0000902 ngày 28/3/2014 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre. Ông Lý Thành T và bà Lý Thị Ngọc M phải nộp tiếp án phí là 12.027.000 đồng (mười hai triệu không trăm hai mươi bảy ngàn đồng).

7. Án phí dân sự P thẩm:

Bà Nguyễn Thị P không phải nộp tiền án phí dân sự P thẩm. Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị P số tiền 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 00011362 ngày 28/8/2017 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Bến Tre.

Ông Lý Thành T phải nộp số tiền 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí P thẩm theo biên lai thu số 0011367 ngày 30/8/2017 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Bến Tre là đủ.

Bà Lý Thị Ngọc M phải nộp số tiền 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí P thẩm theo biên lai thu số 0011368 ngày 30/8/2017 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Bến Tre là đủ.

Trường hợp quyết định, được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Bến Tre;
- TAND thành phố Bến Tre;
- Chi cục THADS thành phố Bến Tre;
- Phòng GĐKT;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ P THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Kim Tư